

TÀI LIỆU HỌC TẬP MÔN NGŨ VĂN KHỐI 10 - TUẦN 5, 6**HỌC KỲ I, NĂM HỌC: 2021 - 2022**

THỜI GIAN	NỘI DUNG KIẾN THỨC	HÌNH THỨC
Tuần 5	Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu trong văn tự sự	Xem nội dung bên dưới, SGK
	Tóm tắt văn bản tự sự	Xem nội dung bên dưới, SGK
	Chủ đề: Truyện dân gian Việt Nam. Phần: Tấm Cám (tiết 1)	Xem nội dung bên dưới, SGK
	<i>Hướng dẫn làm văn tác phẩm VHĐG</i>	Xem nội dung bên dưới, SGK
Tuần 6	Chủ đề: Truyện dân gian Việt Nam. Phần: Tấm Cám (tiết 2)	Xem nội dung bên dưới, SGK
	Chủ đề: Truyện dân gian Việt Nam. Phần: Tấm Cám (tiết 3)	Xem nội dung bên dưới, SGK
	<i>Tự học có hướng dẫn</i> Văn bản Ra - Ma buộc tội (trích <i>Ra - ma - ya - na</i>) Lời tiễn dặn (trích <i>Tiễn dặn người yêu</i>)	Xem nội dung bên dưới, SGK
	<i>Kĩ năng phân tích làm sáng tỏ nhận định về tác phẩm VHTĐ.</i>	Xem nội dung bên dưới, SGK

CHỌN SỰ VIỆC, CHI TIẾT TIÊU BIỂU TRONG VĂN TỰ SỰ**I. KHÁI NIỆM****1. Sự việc**

Trong văn bản tự sự có thể có một hay nhiều sự việc.

- Sự việc là “*cái xảy ra được nhận thức có ranh giới rõ ràng, phân biệt với những cái xảy ra khác*” (Từ điển tiếng Việt).

- Sự việc được diễn tả bằng lời nói, cử chỉ và hành động của nhân vật trong quan hệ với nhân vật khác. Sự việc tiêu biểu là những sự việc quan trọng góp phần hình thành cốt truyện.

2. Chi tiết

- Là “*tiểu tiết của tác phẩm mang sức chứa lớn về cảm xúc và tư tưởng*”. (Từ điển thuật ngữ văn học)

- Chi tiết có thể là một lời nói, một cử chỉ, một hành động của nhân vật, hoặc một sự vật, một hình ảnh thiên nhiên, một nét chân dung,... Những chi tiết đặc sắc tập trung thể hiện rõ nét sự việc tiêu biểu.

→ Sự việc, chi tiết tiêu biểu có vai trò quan trọng trong việc dẫn dắt câu chuyện, tô đậm tính cách nhân vật, làm nổi bật ý nghĩa của văn bản.

→ Chọn sự việc, chi tiết tiêu biểu là khâu quan trọng trong quá trình viết hoặc kể lại một câu chuyện.

II. CÁCH CHỌN SỰ VIỆC, CHI TIẾT TIÊU BIỂU

1. Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy (SGK trang 62).

a) Tác giả kể chuyện về công cuộc dựng nước và bảo vệ đất nước.

b) Sự việc: Trọng Thủy và Mị Châu chia tay nhau

+ [...] Ta lại tìm nàng, lấy gì làm dấu? (chi tiết 1)

+ Mị Châu rút lông ngỗng để làm dấu (chi tiết 2)

- Đây là những sự việc, chi tiết tiêu biểu, Vì:

+ Có tác dụng dẫn dắt câu chuyện và diễn tả được mối tình gắn bó của hai nhân vật.

+ Nếu bỏ sự việc hoặc chi tiết đó, truyện sẽ không liền mạch, cốt truyện bị phá vỡ và sẽ không làm nổi bật nhân vật, thiếu sự hấp dẫn...

2. HS viết tiếp câu chuyện anh con trai lão Hạc trở về.

Gợi ý:

- Anh con trai về, nghe ông giáo kể về cha. Sự việc trọng tâm là ông lão đã sống như thế nào và ông lão đã giữ mảnh vườn ra sao?

- Anh con trai cùng ông giáo ra viếng mộ cha.

- Anh con trai lão Hạc gửi lại ông giáo những di vật và ra đi. Sự việc chính là giải thích cho ông giáo nghe lí do của cuộc ra đi.

❖ Kết luận:

- Xác định đề tài, chủ đề của bài văn.

- Dự kiến cốt truyện với nhiều sự việc nối tiếp nhau (xác định sự việc tiêu biểu).

- Triển khai các sự việc bằng một số chi tiết.

III. LUYỆN TẬP

Bài tập 1. Văn bản “Hòn đá xù xì”.

a) Không nên bỏ sự việc hòn đá xù xì được xác định là rơi từ vũ trụ xuống. Vì: sự việc này đặc tả giá trị độc đáo của hòn đá. Sự việc trên có vai trò chuẩn bị cho việc miêu tả tâm trạng của nhân vật “bà nội” và nhân vật “tôi” ở đoạn kết. Tóm lại, có thể nói đây là một sự việc tiêu biểu trong văn bản “Hòn đá xù xì”.

b) Bài học về cách lựa chọn sự việc và chi tiết tiêu biểu khi viết bài văn tự sự là Lựa chọn những sự việc, chi tiết phải góp phần dẫn dắt câu chuyện, tô đậm tính cách nhân vật và tập trung làm nổi bật chủ đề, ý nghĩa của cốt truyện.

Bài tập 2. Đoạn trích “Uy - lít- xơ trở về”:

- Hô - me - rơ kể về cuộc tái ngộ kì lạ của hai vợ chồng sau 20 năm xa cách nhau.

- Sự việc và chi tiết tiêu biểu:

+ Sự việc Pê - nê - lớp thử chồng

+ Chi tiết: Pê - nê - lớp sai nữ hầu khiêng chiếc giường chứa bí mật ra khỏi phòng.

+ Chi tiết: Uy - lít - xơ tả lại tỉ mỉ đặc điểm của chiếc giường...

➔ Đó là thành công trong nghệ thuật kể chuyện của Hô - me - rơ. Vì chúng góp phần khắc họa đậm nét trí tuệ, phẩm chất tốt đẹp của các nhân vật.

TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ

(Dựa theo nhân vật chính)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ DỰA THEO NHÂN VẬT CHÍNH.

1. Tóm tắt văn bản tự sự dựa theo nhân vật chính: Là viết hoặc kể lại một cách ngắn gọn những sự việc cơ bản xảy ra với nhân vật đó.

2. Mục đích tóm tắt: Giúp ta nắm vững tính cách và số phận của nhân vật, góp phần đi sâu tìm hiểu và đánh giá tác phẩm.

3. Yêu cầu: Văn bản tóm tắt phải ngắn gọn, trung thành với nội dung của văn bản gốc, nêu được đặc điểm và những sự việc xảy ra với nhân vật chính.

II. CÁCH TÓM TẮT VĂN BẢN TỰ SỰ DỰA THEO NHÂN VẬT CHÍNH

Truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy:

a) Những nhân vật chính của truyện: An Dương Vương, Mị Châu, Trọng Thủy.

b) Tìm hiểu và tóm tắt truyện dựa theo nhân vật An Dương Vương:

- **Lai lịch:** Là vua nước Âu Lạc, họ Thục, tên Phán.

- **Các hành động, lời nói, việc làm chính:**

+ Xây thành liên tục bị sụp đổ “*Hễ đắp tới đâu lại lở tới đấy*”

+ Được Rùa Vàng giúp đỡ xây xong thành và cho vuốt để làm nỏ thần.

+ Quân Đà sang xâm lược, vua lấy nỏ thần ra bắn, quân Đà thua lớn.

+ Gả con gái cho kẻ địch, cho Trọng Thủy ở rể.

+ Trọng Thủy dỗ Mị Châu lên cho xem nỏ thần, TT đánh tráo nỏ thần...

+ Khi giặc đến sát chân thành vẫn điềm nhiên đánh cờ “*Đà không sợ nỏ thần sao?*”

+ Lấy nỏ thần ra, phát hiện vô hiệu nghiệm, bỏ chạy về hướng Biển Đông.

+ Tự tay chém đầu con gái Mị Châu.

+ Cầm sừng tê bảy tấc cùng Rùa Vàng đi xuống biển.

❖ **Kết luận**

- Đọc kĩ văn bản, xác định nhân vật chính.

- Chọn các sự việc cơ bản xảy ra với nhân vật chính và diễn biến của các sự việc đó.

- Tóm tắt các hành động, lời nói, tâm trạng của nhân vật chính theo diễn biến của các sự việc đó bằng lời văn của mình (kết hợp với việc dẫn nguyên văn từ ngữ, câu văn trong văn bản gốc).

III. LUYỆN TẬP

Bài tập 1 (trang 121,122 SGK):

a. Phần tóm tắt văn bản “*Chuyện người con gái Nam xương*” (đoạn trích 2) bắt đầu từ “*chàng Trương đi đánh giặc...*” đến “*không kịp nữa*”.

Mục đích tóm tắt ở (1), (2) có khác nhau:

- Văn bản 1, tóm tắt nhằm nắm được cốt truyện.

- Văn bản 2, tóm tắt nhằm giải thích nguyên nhân có đoạn kết thúc truyện.

b. Cách tóm tắt ở (1), (2) cũng khác nhau:

- VB (1) - dựa theo nhân vật chính và diễn biến của sự việc → đầy đủ.

- VB (2) - dựa theo diễn biến sự việc → lựa chọn một số chi tiết, sự việc tiêu biểu để phục vụ minh họa ý kiến

Bài tập 2: HS tự tóm tắt *truyện An Dương Vương và Mị Châu - Trọng Thủy* dựa theo nhân vật Trọng Thủy.

TÁM CÁM

(*Truyện cổ tích*)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Khái niệm: Truyện cổ tích là tác phẩm tự sự dân gian mà cốt truyện là hình tượng được hư cấu có chủ định, kể về số phận con người bình thường trong xã hội, thể hiện tinh thần nhân đạo và lạc quan của nhân dân lao động.

2. Phân loại: gồm 3 loại: *thần kì, sinh hoạt, loài vật*.

➔ Tám Cầm thuộc truyện cổ tích thần kì kể về người mồ côi.

3. Đặc trưng

- Kiểu truyện phổ biến, chiếm số lượng nhiều nhất ở nhiều nước.
- Có yếu tố thần kì: Phép màu biến hóa, tiên, bụt.
- Nhân vật chính: Người bình thường hoặc bất hạnh.
- Mâu thuẫn thường gặp: Gia đình (anh/chị - em, mẹ ghẻ - con chồng), xã hội (tốt-xấu, thiện - ác).
- Kết thúc truyện: Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo.
- Thể hiện ước mơ về hạnh phúc gia đình, về công bằng xã hội, về phẩm chất năng lực tuyệt vời của con người.

4. Bố cục

- Đoạn 1. *Từ đầu ...hần học của mẹ con Cầm*: Cô gái mồ côi trở thành hoàng hậu: Thân phận của Tám và con đường đến với hạnh phúc.
- Đoạn 2. *Tiếp đó... tìm trâu để cho bà ngồi bán hàng*: Tám với 4 kiếp hồi sinh -cuộc đấu tranh gian nan, quyết liệt để giành và giữ hạnh phúc của Tám.
- Đoạn 3. *phần còn lại*: Tám trở về hoàng cung và trả thù.

5. Chủ đề: Truyện kể cuộc đời và số phận bất hạnh của Tám, đồng thời thể hiện cuộc đấu tranh không khoan nhượng để giành lại hạnh phúc trong xã hội phong kiến ngày xưa.

II. ĐỌC - HIỂU VĂN BẢN

1. Mâu thuẫn giữa Tấm và mẹ con Cám

a. Mâu thuẫn trong gia đình.

- Hoàn cảnh nảy sinh xung đột:

TẤM	CÁM
- Con vợ cả. - Tấm mồ côi cả mẹ lẫn cha, ở với dì ghẻ. - Làm lụng vất vả. - Siêng năng, chăm chỉ, hiền lành.	- Con vợ lẽ. - Cám còn mẹ, ở với mẹ, được mẹ nuông chiều, ăn trắng mặc trơn... - Lười biếng, ham chơi.
→ Tấm thuộc kiểu nhân vật bất hạnh (motip phổ biến trong truyện cổ tích)	

- Diễn biến mâu thuẫn:

SỰ VIỆC/CHI TIẾT	TẤM	MẸ CON CÁM
1. Đi bắt tép - yếm đỏ	- Chăm chỉ, bắt được đầy giỏ. - Tin lời Cám, ra chỗ sâu tắm rửa. - Bụng mặt khóc huhu. → Bị cướp thành quả lao động, mất phần thưởng.	- Mải rong chơi bắt không được gì. - Lừa Tấm trút hết tôm tép sang giỏ mình. → Được lĩnh phần thưởng.
2. Nuôi cá bống	- Dành cơm nuôi bống lớn. - Vâng lời, đưa trâu ăn thật xa. - Chiều về, gọi bống chỉ thấy cục máu, òa lên khóc. → Mất cá Bống, mất luôn người bạn thân thiết của Tấm.	- Sinh nghi, rình trộm Tấm cho cá ăn. - Lừa Tấm đi chăn trâu đồng xa. - Bắt bống ăn thịt.
3. Đi cấy hội	- Muốn đi xem hội. - Bắt nhặt gạo lẫn thóc - Khóc một mình, Bụt giúp đỡ.	- Sắm đũa quần áo đẹp. - Trộn gạo lẫn thóc bắt Tấm nhặt. - Xúng xính lên đường.

	- Nức nở khóc vì áo quần rách rưới quá, sợ người ta không cho vào xem hội → Được Bụt giúp đỡ có quần áo đẹp, giày, ngựa.	
4. Thử giày	- Đánh rơi một chiếc giày xuống nước, không kịp nhặt. - Thử vừa giày (làm vợ vua) → Trở thành hoàng hậu.	- Thử giày không vừa. - Ngạc nhiên, hần học. → Ghen ghét, đố kị.

 **Tiểu kết:** Mâu thuẫn xoay quanh hơn thua về vật chất, tinh thần.

❖ **Nhận xét chặng 1:**

- **Mẹ con Cám:** Luôn ức hiếp, ngược đãi, hành hạ Tấm, không cho Tấm được hưởng một quyền lợi nào (ích kỉ, tham lam, độc ác, xảo quyệt).

- **Tấm:** Thu động, yếu đuối, bị hắt hủi, bị ngược đãi, chịu thua thiệt; thái độ phản kháng duy nhất chỉ biết khóc (ba lần khóc), gặp khó khăn đều nhờ sự giúp đỡ của Bụt.

→ Triết lí sống “Ở hiền gặp lành”.

b. Mâu thuẫn xã hội

TẤM	MẸ CON CÁM
- Không quên ngày giỗ cha, xin về soạn cỗ cúng giúp dì → hiếu thảo - Trèo cây hái cau cúng cha → Bị hại chết	- Chặt cau hại chết Tấm - Trèo cây hái cau cúng cha → âm mưu hại Tấm - Chặt cau hại chết Tấm → Cám thay chị vào cúng
Cái thiện hiền lành, ngây thơ, cả tin bị hại chết bất ngờ, bị cướp đoạt hạnh phúc	Cái ác ghen ghét và đầy dã tâm để tiêu diệt cái thiện, đoạt lấy hạnh phúc của cái thiện
→ Cuộc chiến không cân sức giữa cái thiện và cái ác	

TẨM	MẸ CON CẨM
- Hóa vàng anh nhắc nhở Cẩm - Hóa xoan đào cho vua bóng mát - Hóa khung cửa, rửa móc mắt Cẩm	- Ăn thịt vàng anh - Chặt xoan đào làm khung cửa, dệt áo cho vua - Đốt khung cửa
Cái thiện kiên trì tồn tại, bền bỉ đấu tranh để giành và giữ hạnh phúc của mình	Cái ác không từ thủ đoạn, liên tục hại chết cái thiện để đoạt hạnh phúc của cái thiện
➔ Cuộc chiến không ngừng nghỉ giữa cái thiện và cái ác	

c. Chiến thắng của Tẩm - chiến thắng của cái thiện

TẨM	CẨM
- Tẩm trở về, được vua yêu thương như xưa - Tẩm sai quân hầu dội nước sôi	- Cẩm không sợ hãi, hỏi Tẩm “<i>chị làm thế nào mà đẹp thế</i>” - Cẩm chết, di ghê chết

❖ **Tiểu kết: Mâu thuẫn biến thành xung đột một mất một còn**

- *Mẹ con Cẩm: muốn tiêu diệt Tẩm đến tận cùng.*

- *Tẩm: từ sự bị động, phản ứng yếu ớt, Tẩm đã có những phản ứng mạnh mẽ và cuối cùng hành động quyết liệt (thoát khỏi sự phụ trợ của thần linh):*

➔ *Sức sống và sự trỗi dậy mãnh liệt của con người trước sự dập vùi, tấn công của thế lực thù địch. Đó là sức mạnh của cái thiện thắng ách thể hiện ước mơ và tinh thần lạc quan của nhân dân. Cái ác càng lộng hành, cái thiện càng mạnh mẽ.*

➔ *Để giành lại và bảo vệ hạnh phúc phải trải qua cuộc đấu tranh một mất một còn.*

Sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức	Sự gia tăng trong hành động tội ác của mẹ con Cẩm
Tẩm chỉ biết khóc - Hóa thân, rắn đe, rửa mặt - Trả thù quyết liệt	Tẩm chỉ biết khóc - Cướp đoạt vật chất - Cướp đoạt niềm vui tinh thần

- Trả thù quyết liệt	- Cướp đoạt sinh mạng, hạnh phúc
----------------------	----------------------------------

2. Hình thức và quá trình biến hóa của Tấm



- Những vật Tấm gửi linh hồn: bình dị, thân thương trong cuộc sống dân dã

→ Hình ảnh đẹp, tạo ấn tượng thẩm mỹ trong truyện

→ Tấm đẹp cả đời thực đến hình thức biến hóa

- Tấm bước ra từ quả thị là một chi tiết mang tính thẩm mỹ cao;

+ Vẻ đẹp bình dị của Tấm, không cao sang quyền quý, nhưng cũng không lam lũ, nghèo hèn.

+ Vẻ đẹp tươi mới, đầu sức sống: quả thị thơm ngát tỏa khắp nơi, Tấm trẻ đẹp hơn xưa.

+ Vẻ đẹp nhân văn: “Ở hiền gặp lành”

+ Vẻ đẹp đậm đà bản sắc dân tộc: miếng trầu têm cánh phượng

+ Vẻ đẹp kì ảo với trí tưởng tượng bay bổng của dân gian.

3. Hành động trả thù của Tấm và quan niệm, thái độ sống của nhân dân

Tấm là **nhân vật chức năng** do nhân dân lao động sáng tạo để gửi gắm quan niệm sống:

+ Thiện luôn thắng ác, ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác

+ Hiền trong quan niệm của dân gian: “Đi với bụi mặc áo cà sa - Đi với ma mặc áo giấy”. Hiền không có là nghĩa nhút nhát, sợ hãi, chịu khuất phục trước cái xấu, cái ác.

4. Vai trò, ý nghĩa yếu tố kì ảo

	Nội dung tranh chấp	Bản chất mâu thuẫn	Cách giải quyết
Phần 1	Quyền lợi vật chất, tinh thần	Gia đình	Bụt - trợ thủ thần kì
Phần 2	Địa vị xã hội, hạnh phúc cá nhân	Xã hội	Yếu tố kì ảo, tái sinh

- Phần 1: Những trợ thủ thần kì đưa Tấm đạt đỉnh cao hạnh phúc: Bụt xuất hiện lúc tâm bất khóc (Bụt - hình ảnh Đức Phật được dân gian hóa):

- + Cá bóng: người bạn tâm tình bé nhỏ của Tấm → mất.
- + Gà mái: giúp Tấm tìm xương cá bóng.
- + Chim sẻ: giúp Tấm nhặt thóc.

- Phần 2: Quá trình tái sinh kì ảo:

- + Khi xung đột quyết liệt, Tấm thay đổi từ trong bản chất.
- + Mỗi khi chết đi sống lại, Tấm mạnh mẽ hơn, khôn ngoan hơn.
- + Tấm hóa thân để trở về đấu tranh với cái ác quyết liệt hơn.

❖ **Tiểu kết**

- *Yếu tố kì ảo làm nên thế giới cổ tích lãng mạn, thơ mộng, công bằng, tốt đẹp.*
- *Nó đã chiếu rọi ánh sáng kì ảo của niềm hạnh phúc vào cuộc đời còn nhiều bất công của con người, khiến họ yêu đời và mạnh mẽ hơn.*

→ Dẫn hoang đường, những yếu tố này vẫn gieo vào lòng người đọc niềm tin.

III. TỔNG KẾT

1. Nội dung

- Truyền phản ánh mơ ước về công bằng xã hội, mơ ước về hôn nhân hạnh phúc. thúc có hậu là biểu hiện cao nhất của ước mơ.

- Kết thúc truyện cũng thể hiện ước mơ đổi đời của người lao động nghèo. Qua đó, ta thấy được tâm hồn lãng mạn, tinh thần lạc quan yêu đời và niềm khát khao vươn tới hạnh phúc, công lí của nhân dân lao động.

2. Nghệ thuật

- Cốt truyện li kì, hấp dẫn. Vẽ đẹp hình tượng nhân vật được khắc họa rõ nét.
- Các yếu tố kì ảo và những câu văn vần khiến truyện thêm lôi cuốn, hấp dẫn.

VĂN BẢN

I. Khái niệm và đặc điểm:

- VB1: trong hoạt động giao tiếp chung. Để đáp ứng nhu cầu truyền thụ kinh nghiệm sống. Và dung lượng là 1 câu.

- VB 2: trong hoạt động giao tiếp giữa cô gái và mọi người. Nhu cầu than thân. Gồm 04 câu.

- VB 3: trong hoạt động giao tiếp giữa chủ tịch nước với toàn thể đồng bào. Kêu gọi nhân dân kháng chiến chống Pháp. Có 15 câu.

- Tất cả đều được triển khai nhất quán trong từng VB.

- Các câu có qh ý nghĩa rõ ràng và được liên kết với nhau một cách chặt chẽ, cùng thể hiện một chủ đề.

- Kết cấu ba phần rất rõ ràng:

+ Phần mở đầu: “ Hỡi đồng bào toàn quốc”.

+ Phần thân bài: “ Chúng ta muốn...dân tộc ta”.

+ Phần kết: đoạn còn lại.

- Rất riêng:

+ Mở đầu: là lời kêu gọi khẩn thiết, thân tình.

+ Kết thúc: là quyết tâm chiến thắng kẻ ng.xâm.

- VB 1: mang đến cho người đọc một kinh nghiệm sống.

- VB 2: nói cho mọi người biết thân phận không làm chủ được mình của phụ nữ thời PK.

- VB 3: kêu gọi toàn dân chống giặc ngoại xâm.

II. Các loại VB:

1. Câu 1:

- **ND**:

+ VB 1: đề cập đến một kinh nghiệm sống.

+ VB 2: nói đến thân phận của phụ nữ thời PK.

+ VB 3: kêu gọi toàn dân chống giặc ngoại xâm.

- **Từ ngữ**:

+ VB 1 & 2: dùng các từ ngữ thông thường.

+ VB 3: dùng nhiều từ ngữ chính trị.

- **Lĩnh vực:**

+ VB 1 & 2: thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật.

+ VB 3: chính luận.

- **Cách thức:**

+ VB 1 & 2: thông qua những hình ảnh cụ thể, có tính hình tượng.

+ VB 3: dùng lí lẽ và lập luận.

2. Câu 2:

- **Phạm vi sử dụng:**

+ VB 2: giao tiếp nghệ thuật.

+ VB 3: giao tiếp chính trị.

+ Các VB trong SGK: giao tiếp khoa học.

+ Đơn xin nghỉ học, giấy khai sinh: giao tiếp hành chính.

- **Mục đích giao tiếp:**

+ VB 2: nhằm bộc lộ cảm xúc.

+ VB 3: nhằm kêu gọi toàn dân kháng chiến.

+ Các VB trong SGK: truyền thụ kiến thức khoa học.

+ Đơn xin nghỉ học, giấy khai sinh: trình bày ý kiến, nguyện vọng hay ghi nhận sự việc...

- **Từ ngữ:**

+ VB 2: từ ngữ thông thường và giàu hình ảnh.

+ VB 3: từ ngữ chính trị.

+ Các VB trong SGK: từ ngữ khoa học

+ Đơn xin nghỉ học, giấy khai sinh: từ ngữ hành chính.

- **Kết cấu:**

+ VB 2: có kết cấu của ca dao, thơ lục bát.

+ VB 3: có kết cấu ba phần rõ rệt, mạch lạc.

+ Các VB trong SGK: có kết cấu mạch lạc, chặt chẽ.

+ Đơn xin nghỉ học, giấy khai sinh: có mẫu sẵn, chỉ cần điền ND.

RA - MA BUỘC TỘI

I. Tìm hiểu chung

1. Tác giả: SGK

2. Tác phẩm:

- Là một trong hai bộ sử thi nổi tiếng của Ấn Độ.
- Tác phẩm ra đời vào khoảng thế kỉ IV-III TCN , Van-Mi-Ki hoàn thiện.
- Tác phẩm nuôi dưỡng đạo đức, tinh thần dân tộc Ấn.

3. Đoạn trích.

- **Vị trí:** chương 79.
- **Bố cục:** 2 phần.
 - + Đoạn 1: Tâm trạng và lời buộc tội của Ra-ma.
 - + Đoạn 2: Hành động của Xi-ta.

II. Đọc - hiểu văn bản

1. Nhân vật Rama

a. Hoàn cảnh tái hợp

- Không gian: cộng đồng.
- Ra-ma đứng trong tư cách kép:
 - + Tư cách 1 người chồng.
 - + Tư cách 1 vị anh hùng, 1 đức vua.
- Động cơ chiến đấu: Danh dự người anh hùng bị xúc phạm và tình chồng vợ, khao khát đoàn tụ gia đình.

- Rama vẫn ruồng bỏ vợ, phủ nhận tình cảm vợ chồng vì danh dự của một vị vua.

b. Diễn biến tâm trạng của Ra-ma

- Ra-ma buộc tội

- + Yêu thương xót xa người vợ.
- + Giữ bản phận gương mẫu của một đức vua.
- **Ngôn ngữ:** không thẳng băng, không chín chắn, bối rối, thiếu rành mạch, lúng túng
→ Mâu thuẫn tâm trạng.

- **Cách xưng hô:** “Ta”, “Phu nhân cao quý” → Sự xa cách về quan hệ, sự chia li trong tâm hồn.

- Lời lẽ thô bạo (Nàng có thể để tâm đến Lắcmana, Bharata... Viphisana cũng được).

- **Khi Xi-ta chuẩn bị bước lên giàn hỏa thiêu:**

+ “*Nom chàng khủng khiếp như thân chết vậy*”.

+ Ra-ma vẫn ngồi, mắt dán xuống đất.

+ Kiên quyết hi sinh tình yêu.

+ Chịu thử thách dữ dội.

➔ **Rama hiểu sâu sắc vai trò, vị trí Xh của chàng: đức vua, anh hùng mẫu mực → chàng phải hi sinh quyền lợi cá nhân vì đòi hỏi của cộng đồng.**

➔ **Rama là một người anh hùng lí tưởng.**

2. Nhân vật Xi-ta

- Vui và hạnh phúc sau khi được cứu.

- Đau khổ cùng cực khi nghe lời buộc tội của Rama.

+ Xấu hổ muốn chôn vùi hình hài của mình.

+ Kinh ngạc → tròn xoe mắt → đầm đìa nước mắt.

- Hành động để bảo vệ phẩm hạnh của Xita:

+ Dùng lí lẽ.

+ Dùng danh dự.

+ Dùng tình yêu.

+ Dùng nguồn gốc xuất thân.

+ Dùng đến tính mạng.

→ Dùng lí lẽ và hành động để chứng minh cho sự trong sạch của mình. Việc Xita bước lên giàn lửa là hành động quyết liệt nhất khẳng định phẩm hạnh và sự trong sạch của nàng.

➔ **Xita là biểu tượng đẹp về người phụ nữ Ấn Độ với đức hạnh sáng ngời và lòng thủy chung son sắt.**

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Xây dựng nhân vật lí tưởng với tâm lí, tính cách, triết lí, hành động.

- Sử dụng hình ảnh, điển tích, ngôn ngữ, miêu tả và đối thoại, giọng điệu, xung đột kịch tính,... giàu yếu tố sử thi.

2. Ý nghĩa

- Quan niệm về đấng minh quân và người phụ nữ lí tưởng của người Ấn Độ cổ đại, bài học vô giá và sức sống tinh thần bền vững cho đến ngày nay.

- Người Ấn Độ tin rằng: “Chừng nào sông chưa cạn, núi chưa mòn thì Ra-Ma-Ya-Na còn làm say đắm lòng người và cứu vớt họ thoát khỏi tội lỗi”

LỜI TIỄN DẶN

(Trích Tiễn dặn người yêu – truyện thơ dân tộc Thái)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Khái niệm truyện thơ

- Là những truyện kể dài bằng thơ, có sự kết hợp giữa hai yếu tố tự sự và trữ tình, phản ánh số phận của người nghèo khổ, khát vọng về tình yêu tự do, hạnh phúc và công lý.

2. Tóm tắt tác phẩm: Sgk

3. Đoạn trích: Lời tiễn dặn

a) Bố cục đoạn trích

- Gồm 2 lời tiễn dặn

+ Đoạn 1: Từ đầu đến “*Khi góa bụa về già*” → Lời tiễn dặn thể hiện tâm trạng xót thương của chàng trai và nỗi đau khổ tuyệt vọng của cô gái.

+ Đoạn 2: Phần còn lại → Lời tiễn dặn của chàng trai khẳng định mối tình tha thiết bền chặt của mình.

b) Đại ý đoạn trích

- Qua hai lời tiễn dặn, đoạn trích nổi bật diễn biến tâm trạng từ xót thương trước tình cảnh đau khổ tuyệt vọng của cô gái đến khẳng định tình yêu chung thủy và khát vọng hạnh phúc của chàng trai với người mình yêu.

II. ĐỌC – HIỂU VB

1. Tâm trạng xót thương của chàng trai và nỗi đau khổ tuyệt vọng của cô gái

- Nỗi đau khổ của cô gái thể hiện ở nhiều góc độ.

+ Ở hành động:

*“Vừa đi vừa ngoảnh lại
Vừa đi vừa ngoái trông
Chân bước đi lòng càng đau càng nhớ”*

- Các hành động: ngoảnh lại, ngoái trông, chân bước càng đau càng nhớ → Tâm trạng xót xa nuối tiếc về mối tình lỡ hẹn.

+ Giải bày qua cảnh vật thiên nhiên: *ót cay, cà đắng, lá ngón độc địa*

→ *Gọi nỗi cay đắng, tuyệt vọng không chỉ riêng cô gái và cả chàng trai.*

- Chàng trai đồng cảm chia sẻ nỗi đau cùng cô gái

“Xin hãy cho anh kẻ vốc mảnh

... Một lát thay lời tiễn dặn”

+ Động viên an ủi cô gái:

“Con nhỏ hãy đưa anh ẵm

Nựng con rồng, con phượng đừng buồn”

→ *Tấm lòng thành thật, vị tha, nhân hậu.*

+ Ước hẹn chờ đợi cô gái trong mọi thời gian, mọi hoàn cảnh :

“Không lấy được nhau mùa hạ ... mùa đông

Không lấy ..thời trẻ ..lấy nhau khi góa bụa về già”

→ Lời tiễn dặn thâm sâu tình nghĩa cũng là lời ước hẹn mãi mãi thủy chung của chàng trai đối với cô gái.

2. Chàng trai khẳng định mối tình tha thiết bền chặt của mình

- **Cử chỉ:**

+ Vỗ về, an ủi cô gái lúc bị nhà chồng đánh đập, hắt hủi.

+ Làm thuốc cho cô gái uống.

+ Giúp cô làm lụng.

→ *Tiếng gọi, cử chỉ chăm sóc ân cần của chàng trai là cử chỉ hành động của tình yêu thương, ẩn chứa nỗi xót xa đau đớn hơn cả nỗi đau mà cô gái phải chịu. Lời thơ thấm nhuần tinh thần nhân đạo trước số phận con người.*

- Chàng trai khẳng định với cô gái sống chết cùng có nhau:

“Về với người ta thương thừa cũ

... chết thành hôn chung một mái song song”

- Điệp từ “chết” (6 lần) → khẳng định sự gắn bó bền chặt không bao giờ lìa xa.

- **Hình ảnh so sánh:**

+ Tình đôi ta như tình Lú - Ủa.

+ Bền như vàng, như đá.

- Điệp từ “yêu” → Khẳng định quyết tâm không hề thay đổi.

→ Khát vọng đoàn tụ, khát vọng tự do được sống trong tình yêu. Nó như khắc vào gỗ đá bền vững đến muôn đời.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Lựa chọn từ ngữ, hình ảnh thể hiện đặc trưng, gần gũi với đồng bào Thái.

- Cách miêu tả tâm trạng chi tiết, cụ thể qua lời nói đầy cảm động, qua hành động sẵn sàng hy sinh, qua suy nghĩ, cảm xúc mãnh liệt.

2. Nội dung

- Đoạn trích thể hiện tâm trạng của chàng trai, cô gái; tố cáo tập tục hôn nhân ngày xưa, đồng thời là tiếng nói chứa chan tình cảm nhân đạo, đòi quyền yêu thương cho con người

HƯỚNG DẪN LÀM VĂN TÁC PHẨM VĂN HỌC DÂN GIAN

I. Những đặc điểm chính của một số thể loại VHDG đã học.

1. Sử thi dân gian
2. Truyền thuyết
3. Truyện cổ tích
4. Truyện cười
5. Ca dao

II. Những giá trị cơ bản của VHDG qua tác phẩm văn học.

1. Giá trị nội dung.

- Phản ánh chân thực cuộc sống lao động, chiến đấu để dựng nước và giữ nước của dân tộc.

- Thể hiện truyền thống dân chủ và tinh thần nhân văn của nhân dân.
- Bộc lộ đời sống tâm hồn phong phú, tinh tế và sâu sắc của nhân dân.
- Tổng kết những tri thức, kinh nghiệm của nhân dân về mọi lĩnh vực trong mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên, xã hội và chính bản thân mình.

2. Giá trị nghệ thuật.

- Xây dựng được những mẫu hình tượng nhân vật đẹp, tiêu biểu cho truyền thống dân tộc.

VD: Đăm Săn tiêu biểu cho tinh thần bất khuất, chiến đấu - học ở dũng cảm của người anh hùng vì hạnh phúc cộng đồng; An Dương Vương dù bị thất bại trước âm mưu của Triệu Đà vẫn tiêu biểu cho tinh thần bất khuất của dân tộc, Tấm tiêu biểu cho lòng yêu đời, ham sống của những người lao động bị áp bức trong xã hội cũ.

- Văn học dân gian là nơi hình thành nên những thể loại văn học cơ bản và tiêu biểu của dân tộc do nhân dân lao động sáng tạo nên. Văn học dân gian còn là “kho” lưu giữ những thành tựu ngôn ngữ nghệ thuật mang đậm bản sắc dân tộc mà các thế hệ đời sau cần học tập và phát huy.

III. Vai trò và tác dụng của văn học dân gian trong đời của sống tinh thần của xã hội và trong nền văn học dân tộc.

1. Vai trò và tác dụng trong đời sống tinh thần của xã hội.

- Văn học dân gian nêu cao những bài học về phẩm chất tinh thần, đạo đức, truyền thống tốt đẹp của dân tộc: Tinh thần nhân đạo, lạc quan, ý chí đấu tranh bền bỉ để giải phóng con người khỏi bất công, ý chí độc lập, tự cường, niềm tin bất diệt vào cái thiện....
- Văn học dân gian góp phần quan trọng bồi dưỡng con người những tình cảm tốt đẹp, cách nghĩ, lối sống dân tộc và lành mạnh.

2. Vai trò, tác dụng trong nền văn học dân tộc

- Nhiều tác phẩm văn học dân gian đã trở thành những mẫu mực về nghệ thuật của thời đại đã qua mà các nhà văn cần học tập để sáng tạo nên những tác phẩm có giá trị.

VD: Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Tố Hữu cùng nhiều văn nghệ sĩ ngày nay đã tiếp thu có sáng tạo văn học dân gian trong sáng tác của mình.

- Văn học dân gian mãi mãi là ngọn nguồn nuôi dưỡng, là cơ sở của văn học viết về các phương diện đề tài, thể loại, văn liệu...

IV. Một số lưu ý về phương pháp phân tích tác phẩm phân văn học dân gian

- Nắm vững đặc trưng của thể loại.
- Đặt vào trong hệ thống những văn bản tương quan thích ứng.
- Khuyến khích khả năng sáng tạo của học sinh nhưng vẫn bám sát dàn ý cơ bản của việc phân tích một tác phẩm văn học.

VD: Hình ảnh thuyền trong ca dao thường mang ý nghĩa ẩn dụ, nhưng trong từng trường hợp cụ thể, đều có sắc thái riêng. Điều này tùy thuộc ở việc đặt câu ca dao vào hệ thống nào.

+ *Thuyền ơi có nhớ bến chăng*

Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.

→Thuyền, chỉ người con trai nay đây mai đó. hững

+ *Thuyền đã đến bên anh ơi,*

Sao anh chẳng bắc cầu noi lên bờ.

→ Thuyền: chỉ người con gái.

+ *Lênh đênh một chiếc thuyền tình,*

Mười hai bến nước biết gửi mình nơi nao.

→Bến: chỉ người con trai.

- Trong quá trình hình thành, biến đổi, lưu truyền, tác phẩm văn học dân gian luôn gắn bó mật thiết và phục vụ trực tiếp cho các hình thức sinh hoạt cộng đồng khác nhau của nhân dân. Bởi thế, để đọc - hiểu chính xác và sâu sắc ý nghĩa tác phẩm cần đặt nó trong mối quan hệ với các hình thức sinh hoạt cộng đồng.

VD: Bài ca dao *Thách cưới* cần đặt trong mối quan hệ giao duyên diễn ra trong khuôn khổ cuộc hát đối đáp nam - nữ, có thể mới hiểu được rằng đây chỉ là lời hát đùa nhưng đùa mà lại thật - cái thật lòng của những thanh niên nam - nữ lao động nghèo yêu đời tha thiết.

KỸ NĂNG PHÂN TÍCH, LÀM SÁNG TỎ NHẬN ĐỊNH VỀ TÁC PHẨM VĂN HỌC TRUNG ĐẠI

Đề bài: *Chủ nghĩa yêu nước là một nội dung lớn xuyên suốt trong văn học trung đại.*

Bằng hiểu biết của mình về một số tác phẩm văn học trung đại, anh chị hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

I. MỞ BÀI

- Dẫn dắt, giới thiệu về VHVN nói chung và VHTĐ nói riêng
- Nêu vấn đề: Chủ nghĩa yêu nước là một nội dung lớn xuyên suốt trong văn học trung đại.

II. THÂN BÀI

1. Giới thuyết về *Chủ nghĩa yêu nước*

- Chủ nghĩa yêu nước là một giá trị lớn của Văn học Việt Nam được thể hiện trên nhiều phương diện: lòng tự hào, tự tôn dân tộc, tình yêu quê hương, đất nước, xóm làng, sự căm thù giặc và ý chí chiến đấu chống giặc ngoại xâm...

2. Phân tích chủ nghĩa yêu nước được thể hiện qua một số tác phẩm VHTĐ đã học

a. Nội dung:

- Lòng tự hào, tự tôn dân tộc: tự hào về bờ cõi, lãnh thổ, chủ quyền (Sông núi nước Nam vua Nam ở, Núi sông bờ cõi đã chia), truyền thống văn hóa, lịch sử (phong tục Bắc Nam cũng khác, Từ Triệu, Đinh, Lý Trần bao đời gây nên độc lập),... trong Nam quốc sơn hà và Đại cáo bình Ngô; Tự hào về Hào khí Đông A trong Tỏ lòng.

- Lòng căm thù giặc và ý chí chiến đấu chống giặc ngoại xâm: Sự căm thù tột độ của Hưng. Vương (Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm tức chưa xả thịt lột da, nuốt gan, uống máu quân thù thái độ quyết tâm chiến đấu với và chiến thắng trong *Nam quốc sơn hà* (*Chúng bây sẽ bị đánh toi bời*).

- *Tình yêu quê hương, đất nước, xóm làng*: tâm trạng đau buồn, tiếc nuối, xót xa của ông Hai khi nghe tin làng rơi vào tay giặc trong Làng, tình yêu thiên nhiên, cuộc sống, mong ước cảnh thái bình an ấm no cho dân trong *Cảnh ngày hè*.

b. Nghệ thuật

- Từ ngữ: Sử dụng những từ ngữ lớn lao, mang tính vũ trụ để thể hiện tầm vóc hoành tráng, kì vĩ, vĩnh hằng của đất nước (sông núi, bờ cõi, giang sơn...)

- Giọng điệu: Hào sảng, dứt khoát niềm tin, niềm tự hào, nhẹ nhàng, thâm trầm khi thể hiện tâm trạng mong mỏi, thiết tha với đất nước.

III. KẾT BÀI

- Chủ nghĩa yêu nước là một cảm hứng lớn trong văn học trung đại được biểu hiện rõ nét dưới nhiều cung bậc, màu sắc khác nhau.

- Chủ nghĩa yêu nước giúp người đọc thêm tự hào về truyền thống, lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông ta, đồng thời hun đúc thêm tinh thần yêu nước cho người đọc.

---HẾT---